

Số: 01/BB-DHĐCĐ2025

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Tên Doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn
Địa chỉ : 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Giấy CN ĐKDN : Số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh
cấp ngày 12/04/1994, thay đổi lần thứ 15 ngày 29/08/2022
Thời gian họp : Bắt đầu lúc 08 giờ 30 phút ngày 19 tháng 06 năm 2025
Địa điểm họp : Lầu 10, Khách sạn Sài Gòn
Chương trình : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025
Thành phần tham dự : Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc cùng Quý cổ
đồng theo danh sách chốt ngày 20/05/2025.
Chủ tọa Đại hội : Ông Võ Thanh Bình, Chủ tịch HĐQT
Thư ký Đại hội : Ông Trần Tiến, Thư ký HĐQT

DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Bắt đầu từ 08 giờ 30, tất cả các Quý cổ đông theo danh sách chốt ngày 20/05/2025 đến tham dự Đại hội đều được hướng dẫn đến bàn lễ tân, hoàn tất thủ tục đăng ký tham dự và nhận tài liệu.
2. Ban tổ chức Đại hội báo cáo kiểm tra tính hợp lệ của Đại hội, nội dung báo cáo như sau:
Tổng số cổ đông và người được ủy quyền tham dự là 51 cổ đông, đại diện cho 10.505.644 cổ phần, chiếm 84,91% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
Căn cứ Điều 141 của Luật Doanh Nghiệp năm 2020 và Căn cứ Khoản 1, Điều 18 Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn, Công ty đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.
3. Ông Võ Thanh Bình – Chủ trì cuộc họp đề xuất và lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết đề bầu Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

3.1. Thành phần Đoàn Chủ tịch:

1/ Ông Võ Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa
2/ Bà Phan Ngọc Bích	Thành viên HĐQT- Giám đốc Công ty
2/ Bà Hà Thị Mai Phương	Trưởng BKS

3.2. Thành phần Đoàn Thư Ký:

1/ Ông Trần Tiến	Trưởng Ban
2/ Bà Nguyễn Hoàng Thanh Tâm	Thành viên

3.3. Thành phần Ban Kiểm phiếu:

1/ Bà Dương Bối Minh	Trưởng Ban
2/ Vũ Thị Cảnh	Thành viên



Quý cổ đông hiện diện đã nhất trí 100% biểu quyết đồng ý cho Đoàn Chủ tịch, Đoàn thư ký và Ban kiểm phiếu.

4. Thông qua Quy chế làm việc và Chương trình Đại hội

Ban tổ chức Đại hội, thay mặt Đoàn Chủ tịch thông qua Quy chế và Chương trình Đại hội, Cổ đông hiện diện đã biểu quyết nhất trí 100% đồng ý.

II. CÁC BÁO CÁO TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI.

1. Ông Võ Thanh Bình, Chủ tịch HĐQT, thay mặt HĐQT Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2024.

2. Bà Phan Ngọc Bích, Thành viên HĐQT - Giám Đốc, báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025.

3. Bà Hà Thị Mai Phương, Trưởng Ban Kiểm soát Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024.

4. Bà Phan Ngọc Bích, Giám đốc Công ty, trình bày trước Đại hội nội dung Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 01-02-03-04-05/TTr-ĐHĐCĐ.

III. THẢO LUẬN CÁC TỜ TRÌNH.

- Sau khi lắng nghe các Báo cáo và Tờ trình được trình bày tại Đại hội, Ông Võ Thanh Bình tiếp tục chủ trì thảo luận các nội dung liên quan đến các Tờ trình.
- Đại hội cũng đã được nghe và ghi nhận nhiều ý kiến đóng góp tích cực của các cổ đông.

IV. BIỂU QUYẾT CÁC TỜ TRÌNH.

1. Biểu quyết Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ:

1.1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024, định hướng phát triển năm 2025:

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.591 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 53 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.2. Thông qua Báo cáo thẩm tra tình hình tài chính - kinh doanh năm 2024, kết quả hoạt động của hội đồng quản trị, ban điều hành và hoạt động của ban kiểm soát, kiểm soát viên tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn:

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.592 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.3. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – CN tại TP.HCM:

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.592 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.

- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.4. Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng doanh thu	51.308.749.056
a	Doanh thu kinh doanh	45.321.189.684
b	Doanh thu tài chính	5.942.204.482
c	Thu nhập khác	45.354.890
2	Tổng Chi phí	37.960.907.562
a	Chi phí kinh doanh + Chi phí tài chính + Chi phí khác	13.882.574.303
b	Chi phí lương (gồm BH+KP+Cơm)	15.783.170.996
c	Chi phí cố định	8.295.162.263
	<i>Trong đó chi phí Khấu hao TSCĐ</i>	<i>2.585.966.259</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	13.347.841.494
4	Lợi nhuận sau thuế	10.630.287.845

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.592 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.5. Thông qua việc quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng/người x 4
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/tháng/người x 2
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.292 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 352 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.6. Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

STT	Diễn giải	Thực hiện 2024
1	Lợi nhuận trước thuế	13.347.841.494
2	Lợi nhuận sau thuế	10.630.287.845
3	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	17.843.640
4	Tổng Lợi nhuận dự kiến phân phối	10.107.898.785
4.1	Chia cổ tức 2024 (7%/cp) (dự kiến)	8.654.870.000
4.2	Thù lao HĐQT & BKS 2024	390.000.000
4.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lợi nhuận sau thuế)	1.063.028.784
5	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	540.232.700

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.592 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

1.7. Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024:

- ✓ Chi cổ tức 7%/cổ phiếu từ Lợi nhuận 2024 bằng tiền
- ✓ Ngày chốt danh sách thực hiện quyền chia cổ tức 2024: 09/7/2025
- ✓ Ngày chi trả cổ tức năm 2024: 21/7/2025.

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.592 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

2. Biểu quyết Tờ trình số 02/TTr-ĐHĐCĐ:

2.1. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng doanh thu	53.995.000.000
a	Doanh thu kinh doanh	48.000.000.000
b	Doanh thu tài chính	5.945.000.000
c	Thu nhập khác	50.000.000
2	Tổng Chi phí	36.957.000.000
a	Chi phí kinh doanh + Chi phí tài chính + Chi phí khác	15.292.000.000
b	Chi phí lương(gồm BH+KP+Com)	15.935.000.000
c	Chi phí cố định	5.730.000.000
	Trong đó khấu hao Tài sản cố định	2.793.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	17.038.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	13.622.400.000

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.477.592 cổ phần, chiếm 99,73% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: 28.000 cổ phần, chiếm 0,27% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

2.2. Thông qua mức chi Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025:

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2025, Đại hội Đồng cổ đông thông qua mức chi thù lao hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 là 390.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000đ/tháng/người x 4
- Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000đ/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000đ/tháng/người x 2
- Thư ký HĐQT: 2.500.000đ/tháng

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.292 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.

- + Không tán thành: 300 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

2.3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2025
1	Lợi nhuận trước thuế 2025	17.038.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế 2025	13.622.400.000
3	Lợi nhuận dự kiến phân phối 2025, trong đó	6.697.880.000
3.1	Chia cổ tức 2025 (4%/cp) (dự kiến)	4.945.640.000
3.2	Trích thù lao HĐQT & BKS 2025	390.000.000
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lãi sau thuế)	1.362.240.000
4	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	6.924.520.000

Sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2025, Hội đồng Quản trị sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ đông quyết định kế hoạch phân phối hết lợi nhuận còn lại của năm 2025.

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.477.292 cổ phần, chiếm 99,73% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: 28.300 cổ phần, chiếm 0,27% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

2.4. Xem xét và thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn để thay thế cho Điều lệ hiện hành, đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả trong quản trị và hoạt động của Công ty.

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.592 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

3. Biểu quyết Tờ trình số 03/TTr-ĐHĐCĐ:

3.1. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2025 là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.592 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

4. Biểu quyết Tờ trình số 04/TTr-ĐHĐCĐ:

4.1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị đối với bà Tạ Thị Tuyết Mai, lý do nghỉ việc tại Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH-MTV theo nguyện vọng cá nhân.

❖ Đại hội biểu quyết:

- + Tán thành: 10.505.592 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.
- + Không ý kiến: 52 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần biểu quyết thu về.

4.2. Thông qua việc bầu thay thế bà Lê Thị Thúy Hà thay cho thành viên miễn nhiệm tham gia Hội đồng Quản trị và giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022–2026.

➤ Sinh ngày: 16/12/1979

➤ CCCD số: 079179010536 Ngày cấp: 4/04/2023 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

➤ Trình độ: Cử nhân luật

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 10.477.592 cổ phần, chiếm 99,73% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: 28.052 cổ phần, chiếm 0,27% số cổ phần biểu quyết thu về.

5. Biểu quyết Tờ trình số 05/TTr-ĐHĐCĐ:

5.1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Nguyễn Trần Gia Huy, lý do nghỉ việc tại Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH-MTV theo nguyện vọng cá nhân.

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 10.477.592 cổ phần, chiếm 99,73% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: 28.052 cổ phần, chiếm 0,27% số cổ phần biểu quyết thu về.

5.2. Thông qua việc bầu thay thế bà Đỗ Thị Quý Công thay cho thành viên miễn nhiệm tham gia thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022–2026.

➤ Sinh ngày: 9/11/2000

➤ CCCD số: 066300012559 Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

➤ Trình độ: Cử nhân đào tạo kinh tế quốc tế

❖ Đại hội biểu quyết:

+ Tán thành: 10.477.592 cổ phần, chiếm 99,73% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không tán thành: ...cổ phần, chiếm ...% số cổ phần biểu quyết thu về.

+ Không ý kiến: 28.052 cổ phần, chiếm 0,27% số cổ phần biểu quyết thu về.

V. THỦ TỤC BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Đại hội đồng Cổ đông đã tán thành 100% thông qua Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 19 tháng 06 năm 2025.

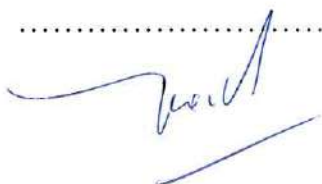
TM. ĐOÀN THỦ KÝ
TRƯỞNG ĐOÀN


Trần Tiến

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA


Võ Thanh Bình

ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG:

.....


ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT:


.....



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300850255
do Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/1994
thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 29/08/2022.*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần khách sạn Sài Gòn ngày 19 tháng 06 năm 2025;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn ngày 19 tháng 06 năm 2025.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn ngày 19 tháng 06 năm 2025 với **51 cổ đông** và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho **10.505.644 cổ phần** tương đương **84,91%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và biểu quyết thông qua các Điều sau đây:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024, định hướng phát triển năm 2025.

Điều 2: Thông qua Báo cáo thẩm tra tình hình tài chính - kinh doanh năm 2024, kết quả hoạt động của hội đồng quản trị, ban điều hành và hoạt động của ban kiểm soát, kiểm soát viên tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn.

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – CN tại TP.HCM.

Điều 4: Thông qua Kết quả kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng doanh thu	51.308.749.056
a	Doanh thu kinh doanh	45.321.189.684
b	Doanh thu tài chính	5.942.204.482
c	Thu nhập khác	45.354.890
2	Tổng Chi phí	37.960.907.562
a	Chi phí kinh doanh + Chi phí tài chính + Chi phí khác	13.882.574.303
b	Chi phí lương (gồm BH+KP+Cơm)	15.783.170.996
c	Chi phí cố định	8.295.162.263
	<i>Trong đó chi phí Khấu hao TSCĐ</i>	<i>2.585.966.259</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	13.347.841.494
4	Lợi nhuận sau thuế	10.630.287.845

Điều 5: Thông qua việc quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024:



- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng/người x 4
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/tháng/người x 2
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

Điều 6: Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

STT	Diễn giải	Thực hiện 2024
1	Lợi nhuận trước thuế	13.347.841.494
2	Lợi nhuận sau thuế	10.630.287.845
3	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	17.843.640
4	Tổng Lợi nhuận dự kiến phân phối	10.107.898.785
4.1	Chia cổ tức 2024 (7%/cp) (dự kiến)	8.654.870.000
4.2	Thù lao HĐQT & BKS 2024	390.000.000
4.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lợi nhuận sau thuế)	1.063.028.784
5	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	540.232.700

Điều 7: Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2024:

- ✓ Chi cổ tức 7%/cổ phiếu từ Lợi nhuận 2024 bằng tiền
- ✓ Ngày chốt danh sách thực hiện quyền chia cổ tức 2024: 09/7/2025
- ✓ Ngày chi trả cổ tức năm 2024: 21/7/2025.

Điều 8: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Tổng doanh thu	53.995.000.000
a	Doanh thu kinh doanh	48.000.000.000
b	Doanh thu tài chính	5.945.000.000
c	Thu nhập khác	50.000.000
2	Tổng Chi phí	36.957.000.000
a	Chi phí kinh doanh + Chi phí tài chính + Chi phí khác	15.292.000.000
b	Chi phí lương(gồm BH+KP+Cơm)	15.935.000.000
c	Chi phí cố định	5.730.000.000
	<i>Trong đó khấu hao Tài sản cố định</i>	<i>2.793.000.000</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	17.038.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	13.622.400.000

Điều 9: Thông qua mức chi Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng/người x 4
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/tháng/người x 2
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

Điều 10: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Diễn giải	Kế hoạch 2025
-----	-----------	---------------

1	Lợi nhuận trước thuế 2025	17.038.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế 2025	13.622.400.000
3	Lợi nhuận dự kiến phân phối 2025, trong đó	6.697.880.000
3.1	Chia cổ tức 2025 (4%/cp) (dự kiến)	4.945.640.000
3.2	Trích thù lao HĐQT & BKS 2025	390.000.000
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lãi sau thuế)	1.362.240.000
4	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	6.924.520.000

Sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2025, Hội đồng Quản trị sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ đông quyết định kế hoạch phân phối hết lợi nhuận còn lại của năm 2025.

Điều 11: Xem xét và thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn để thay thế cho Điều lệ hiện hành, đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả trong quản trị và hoạt động của Công ty.

Điều 12: Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2025 là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Điều 13: Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị đối với bà Tạ Thị Tuyết Mai, lý do nghỉ việc tại Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH-MTV theo nguyện vọng cá nhân.

Điều 14: Thông qua việc bầu thay thế bà Lê Thị Thúy Hà thay cho thành viên miễn nhiệm tham gia Hội đồng Quản trị và giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022–2026

➤ Sinh ngày: 16/12/1979

➤ CCCD số: 079179010536 Ngày cấp: 4/04/2023 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

➤ Trình độ: Cử nhân luật

Điều 15: Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Nguyễn Trần Gia Huy, lý do nghỉ việc tại Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH-MTV theo nguyện vọng cá nhân.

Điều 16: Thông qua việc bầu thay thế bà Đỗ Thị Quý Công thay cho thành viên miễn nhiệm tham gia thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022–2026.

➤ Sinh ngày: 9/11/2000

➤ CCCD số: 066300012559 Ngày cấp: 12/08/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

➤ Trình độ: Cử nhân đào tạo kinh tế quốc tế

Điều 17: Triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

VÔ THANH BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024, định hướng phát triển năm 2025”

Trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông,

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần khách sạn Sài Gòn, trước tiên xin cảm ơn toàn thể Quý cổ đông đã dành thời gian quý báu của mình về đây tham dự Đại hội. Tôi xin báo cáo trước Đại hội hoạt động của HĐQT năm 2024 như sau:

I. Nhân sự của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022-2026 hiện nay gồm 5 thành viên như sau:

- | | |
|-----------------------|---------------|
| 1 Ông Võ Thanh Bình | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Phạm Thanh Bình | Thành viên |
| 3 Bà Tạ Thị Tuyết Mai | Thành viên |
| 4 Bà Phan Ngọc Bích | Thành viên |
| 5 Ông Trần Tiến | Thành viên |

II. Hoạt động của HĐQT trong năm 2024:

1. Các phiên họp của HĐQT trong năm 2024:

Với vai trò đại diện quyền lợi cho cổ đông, trong năm 2024 HĐQT đã tổ chức 5 buổi họp định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát, định hướng tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các buổi họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành nghiêm túc, đảm bảo các nội dung đều mang tính kịp thời. HĐQT thường xuyên kiểm tra, đôn đốc Công ty thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, phối hợp với Ban điều hành để cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh. Trong đó có 1 số vấn đề quan trọng sau:

- Thông qua phương án đầu tư, sửa chữa lớn năm 2024.
- Thông qua việc trích bổ sung 1 tháng lương chi thưởng vượt kế hoạch 2023.
- Thông qua tìm kiếm và lựa chọn đơn vị để cho thuê mặt bằng.



- Thông qua phương án đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC với tổng mức đầu tư dự kiến 1.546.794.000 VNĐ. Đồng thời, giao Ban điều hành tiến hành lựa chọn Công ty tư vấn để lập Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật và lựa chọn đơn vị độc lập khác để thẩm tra Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật theo đúng quy định.
- Thông qua việc thay đổi nhân sự Kế toán trưởng từ bà Nguyễn Hoàng Thoa sang bà Nguyễn Thị Hương;
- Thông qua báo cáo và xúc tiến đóng tiền thuê đất 1 lần của Công ty. Thường xuyên đôn đốc ban điều hành làm việc với các cơ quan ban ngành để nhanh chóng hoàn tất đóng tiền thuê đất 1 lần.

Nhằm nâng cao tính minh bạch, định kỳ 6 tháng HĐQT đều có báo cáo Quản trị đăng tải trên hệ thống website Công ty, đồng thời giúp cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

2. Thù lao HĐQT: Mức chi thù lao HĐQT và BKS năm 2024 như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/ tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000đ/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000đ/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000đ/ tháng
- Thư ký HĐQT: 2.500.000đ/ tháng

3. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

a) Giám sát, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Với cam kết duy trì tính trung thực tuyệt đối và đặt lợi ích của Cổ đông, Công ty lên hàng đầu, Hội đồng Quản trị đã thực hiện vai trò chỉ đạo sát sao, giám sát chặt chẽ cùng định hướng chiến lược kịp thời.

Qua đó, Hội đồng hỗ trợ hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành bằng cách đưa ra các quyết định nhanh nhạy, linh hoạt trước những vấn đề trọng yếu, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa tầm nhìn quản trị và điều hành thực tiễn.

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó có một số vấn đề quan trọng như sau:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2024;
- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024;
- Lựa chọn Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền cả ĐHĐCĐ;

- Chi thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2024;

b) *Giám sát hoạt động kinh doanh năm 2024:*

Kết quả kinh doanh 2024 được tóm tắt như sau:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
1	DOANH THU kinh doanh	42.228.619.078	43.300.000.000	45.321.189.684
2	CHI PHÍ kinh doanh	26.980.722.582	28.935.840.000	29.591.788.649
3	LỢI NHUẬN trước thuế	21.812.921.816	14.516.660.000	13.347.841.494

Tiếp nối những kết quả đạt được năm 2023, cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội cổ đông đề ra.

Trong đó Doanh thu đạt 105% so với kế hoạch. Đó là sự cố gắng của HĐQT, BKS, Ban điều hành và tập thể người lao động của Công ty. Chi phí kinh doanh tăng 2,27% so với kế hoạch chủ yếu do Công ty trích bổ sung chi phí thuê đất cho giai đoạn từ 2021-2024.

c) *Chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025:*

- Thời gian: dự kiến 8h30, thứ Năm ngày 19/6/2025
- Địa điểm: Lầu 10, phòng họp Lotus - Khách sạn Sài Gòn

41 – 47 Đông Du, P. Bến Nghé Quận 1 TP.HCM

d) *Công tác chỉ đạo quản trị tài chính, chấp hành pháp luật, Điều lệ công ty:*

Thực hiện và chấp hành nghiêm chỉnh công tác quản lý tài chính và tổ chức hạch toán kế toán đúng quy định của pháp luật. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn, tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, không có nợ xấu.

Trong hoạt động Công ty, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty phải tuân thủ đầy đủ pháp luật của Nhà nước, Điều lệ công ty.

4. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024

- Trong năm 2024, các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 cuộc họp, các thành viên tham gia đầy đủ, tích cực thảo luận, biểu quyết và đóng góp ý kiến đối với các nội dung quan trọng trong hoạt động quản trị và định hướng phát triển công ty.
- Từng thành viên Hội đồng quản trị đều thể hiện tinh thần trách nhiệm, góp phần xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất – kinh doanh, đồng thời giám sát hiệu quả hoạt động của Ban điều hành. Trong năm, không

phát sinh trường hợp vi phạm nghĩa vụ hoặc xung đột lợi ích cá nhân trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

- **Đánh giá chung:** Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo vai trò quản trị và giám sát theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Phương hướng nhiệm vụ và công tác chỉ đạo năm 2025:

- **Nâng cao chất lượng dịch vụ:** Tập trung vào trải nghiệm khách hàng với dịch vụ cá nhân hóa, đào tạo nhân viên chuyên nghiệp để tối ưu hóa quy trình phục vụ.
- **Mở rộng thị trường mục tiêu:** Đẩy mạnh tiếp thị kỹ thuật số, hợp tác với các đối tác du lịch quốc tế và tổ chức sự kiện để thu hút khách hàng trong nước lẫn quốc tế.
- **Đa dạng hóa dịch vụ:** Phát triển các gói ẩm thực đặc trưng và không gian hội nghị thông minh để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.
- **Xây dựng thương hiệu xanh:** Đầu tư vào các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu rác thải và sử dụng vật liệu thân thiện môi trường để định vị thương hiệu bền vững.
- **Tăng cường quan hệ cộng đồng:** Tham gia các hoạt động xã hội, hỗ trợ văn hóa địa phương và giao tiếp minh bạch để củng cố hình ảnh uy tín, gần gũi.

Trên đây là báo cáo của HĐQT Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn về tình hình Công ty năm 2024. HĐQT cam kết sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng để đáp ứng sự mong đợi của cổ đông, đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH


VÕ THANH BÌNH

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Trình Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2025

Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông,

Thay mặt Ban Điều hành Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn, tôi trân trọng cảm ơn toàn thể Quý cổ đông đã dành thời gian quý báu đến tham dự Đại hội và luôn đồng hành cùng sự phát triển của Công ty. Sau đây, tôi xin trình bày Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 để Đại hội xem xét, thảo luận và thông qua như sau:

PHẦN 1.

KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm 2024 ngành du lịch Việt Nam ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch:

- Khách quốc tế: ước đạt 17,5 triệu lượt khách, tăng 38,9% so với năm 2023, đạt mục tiêu đề ra.
- Khách nội địa: 110 triệu lượt khách, tăng 1,6% so với năm trước.
- Tổng thu từ du lịch: ước đạt 840 nghìn tỷ đồng, tăng 23,8% so với năm 2023.

Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là điểm đến hàng đầu cả nước:

- Khách quốc tế: ước đạt 6 triệu lượt, tăng 20% so với năm 2023.
- Khách nội địa: 38 triệu lượt, tăng 8,6%.
- Tổng thu từ du lịch: 190.000 tỷ đồng, tăng 18,8%.

Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện thuận lợi từ Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, cùng với sự đoàn kết, sáng tạo, quyết tâm cao của tập thể Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn đã hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2024.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2024: đã thực hiện hoàn tất.
2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2024:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	SO SÁNH TH 2024/TH 2023		SO SÁNH TH 2024/KH 2024	
					Số tiền	%	Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	DOANH THU	42.228.619.078	43.300.000.000	45.321.189.684	3.092.570.606	107,3%	2.021.189.684	104,7%
1	Phòng ngủ	24.703.864.767	26.600.000.000	28.231.493.059	3.527.628.292	114,3%	1.631.493.059	106,1%
1,1	Công suất %	74,63%	77,0%	72,00%	-2,6%	96,5%	-5,0%	93,5%
1,2	Giá bình quân	1.055.161	1.100.000	1.249.000	193.839	118,4%	149.000	113,5%
2	Ăn uống	6.658.918.800	7.012.000.000	7.567.675.450	908.756.650	113,6%	555.675.450	107,9%
	ăn uống phòng	2.760.218.528	2.850.000.000	2.902.901.812	142.683.284	105,2%	52.901.812	101,9%
	ăn uống nhà hàng	1.364.402.209	1.501.000.000	1.968.130.890	603.728.681	144,2%	467.130.890	131,1%
	ăn uống tiệc hội nghị	2.534.298.063	2.661.000.000	2.696.642.748	162.344.685	106,4%	35.642.748	101,3%
3	Cho thuê phòng hội nghị	2.303.395.321	2.419.000.000	2.503.489.577	200.094.256	108,7%	84.489.577	103,5%
4	Cho thuê mặt bằng	6.249.159.092	4.831.000.000	4.494.426.141	(1.754.732.951)	71,9%	(336.573.859)	93,0%
5	Dịch vụ khác	617.339.175	648.000.000	591.313.988	(26.025.187)	95,8%	(56.686.012)	91,3%
6	Phí Phục vụ	1.695.941.923	1.790.000.000	1.932.791.469	236.849.546	114,0%	142.791.469	108,0%
II	CHI PHÍ KINH DOANH	26.980.722.582	28.935.840.000	29.591.788.649	2.611.066.067	109,7%	655.948.649	102,3%
	%/ Tổng Doanh thu	63,9%	66,8%	65,3%	1,4%	102,2%	-1,5%	97,7%
1	Nguyên vật liệu	2.870.114.499	2.945.000.000	2.960.821.107	90.706.608	103,2%	15.821.107	100,5%
	%/ Doanh thu Ăn uống	43,1%	42,00%	39,12%	-4,0%	90,8%	-2,9%	93,2%
2	Chi phí trực tiếp	22.414.666.160	24.200.840.000	24.698.176.073	2.283.509.913	110,2%	497.336.073	102,1%
	%/ Tổng Doanh thu	53,1%	55,9%	54,5%	1,4%	102,7%	-1,4%	97,5%
2,1	Chi phí nhân công (BH+Cơm +KPCĐ)	14.373.264.311	14.462.840.000	15.783.170.996	1.409.906.685	109,8%	1.320.330.996	109,1%
	%/ Tổng Doanh thu	34,04%	33,40%	34,83%	0,8%	102,3%	1,4%	104,3%
a	Trong đó, chi phí lương	11.916.666.666	12.124.000.000	12.629.000.000	712.333.334	106,0%	505.000.000	104,2%
b	Tỷ lệ chi phí lương trên Tổng doanh thu	28,22%	28,00%	27,87%	-0,4%	98,7%	-0,1%	99,5%

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	SO SÁNH TH 2024/TH 2023		SO SÁNH TH 2024/KH 2024	
					Số tiền	%	Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2,2	Chi phí vật liệu	519.857.177	560.000.000	563.674.495	43.817.318	108,4%	3.674.495	100,7%
2,3	Chi phí CCDC	400.369.573	914.000.000	600.533.858	200.164.285	150,0%	(313.466.142)	65,7%
2,4	Chi phí mua ngoài	3.708.121.847	4.131.000.000	4.123.169.643	415.047.796	111,2%	(7.830.357)	99,8%
2,5	Chi phí bằng tiền khác	3.413.053.252	4.133.000.000	3.627.627.081	214.573.829	106,3%	(505.372.919)	87,8%
3	Chi phí phi phục vụ	1.695.941.923	1.790.000.000	1.932.791.469	236.849.546	114,0%	142.791.469	108,0%
III	LÃI GỘP (III=I-II)	15.247.896.496	14.364.160.000	15.729.401.035	481.504.539	103,2%	1.365.241.035	109,5%
1	%/Tổng Doanh thu	36,1%	33,2%	34,7%	-1,4%	96,1%	1,5%	104,6%
IV	CHI PHÍ CỐ ĐỊNH	4.411.985.876	4.610.500.000	8.295.162.263	3.883.176.387	188,0%	3.684.662.263	179,9%
1	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.716.567.316	2.915.000.000	2.585.966.259	(130.601.057)	95,2%	(329.033.741)	88,7%
2	Thuế, tiền thuê đất	1.695.418.560	1.695.500.000	5.709.196.004	4.013.777.444	336,7%	4.013.696.004	336,7%
V	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	10.925.881.580	4.755.000.000	5.941.873.007	(4.984.008.573)	54,4%	1.186.873.007	125,0%
1	Thu nhập tài chính	10.929.928.970	4.760.000.000	5.942.204.482	(4.987.724.488)	54,4%	1.182.204.482	124,8%
2	Chi phí tài chính	4.047.390	5.000.000	331.475	(3.715.915)	8,2%	(4.668.525)	6,6%
VI	HOẠT ĐỘNG KHÁC	51.129.616	8.000.000	-28.270.285	(79.399.901)	-55,3%	(36.270.285)	-353,4%
1	Thu nhập khác	208.894.425	38.000.000	45.354.890	(163.539.535)	21,7%	7.354.890	119,4%
2	Chi phí khác	157.764.809	30.000.000	73.625.175	(84.139.634)	46,7%	43.625.175	245,4%
VII	LÃI TRƯỚC THUẾ (VII = III-IV+V+VI)	21.812.921.816	14.516.660.000	13.347.841.494	(8.465.080.322)	61,2%	(1.168.818.506)	91,9%
1	%/Tổng Doanh thu	51,65%	33,53%	29,45%	-22,2%	57,0%	-4,1%	87,8%
VIII	LÃI SAU THUẾ	17.420.418.280	11.637.328.000	10.630.287.845	(6.790.130.435)	61,0%	(1.007.040.155)	91,3%
1	%/Tổng Doanh thu	41,25%	26,88%	23,46%	-17,8%	56,9%	-3,4%	87,3%
IX	LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG							
1	Tổng số CBCNV	76	82	73	(3)	96,1%	(9)	89,0%
2	Tổng quỹ lương	11.916.666.666	12.124.000.000	12.629.000.000	712.333.334	106,0%	505.000.000	104,2%

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	SO SÁNH TH 2024/TH 2023		SO SÁNH TH 2024/KH 2024	
					Số tiền	%	Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	Tiền lương b/q (người/tháng)	8.655.850	9.163.768	9.354.909	699.059	108,1%	191.141	102,1%
4	Tiền lương b/q (người/tháng) (không tính Ban điều hành)	7.785.179	7.609.096	8.491.667	706.488	109,1%	882.571	111,6%
4	Thu nhập b/q (người/tháng)	14.768.352	12.321.138	17.111.588	2.343.236	115,9%	4.790.450	138,9%
6	Thu nhập b/q (người/tháng) (không tính Ban điều hành)	13.395.210	13.751.772	15.991.911	2.596.701	119,4%	2.240.139	116,3%
X	CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ LAO ĐỘNG				-			
1	Năng suất lao động (Doanh thu/số ld bq/năm)	555.640.000	528.049.000	620.838.000	65.198.000	111,7%	92.789.000	117,6%
2	Hiệu suất lao động (Lãi sau thuế/ số ld bq/năm)	229.216.000	141.919.000	145.620.000	(83.596.000)	63,5%	3.701.000	102,6%

+ Về doanh thu:

Doanh thu thuần thực hiện năm 2024 là 45,3 tỷ đồng, tăng 3 tỷ đồng (tương đương 7,3%) so với năm 2023, vượt 2 tỷ đồng và đạt 104,7% kế hoạch năm 2024. Trong đó:

- Doanh thu phòng ngủ đạt 28,2 tỷ đồng, tăng 3,5 tỷ đồng so với 2023 (tương đương 14,3%), vượt 1,6 tỷ đồng và đạt 106,1% kế hoạch;
- Doanh thu ăn uống đạt 7,57 tỷ đồng, tăng 0,9 tỷ đồng so với năm 2023 (tương đương 13,6%), vượt 0,55 tỷ và đạt 107,9% kế hoạch;
- Doanh thu phòng hội nghị đạt 2,5 tỷ đồng, tăng 0,2 tỷ đồng so với năm 2023 (tương đương tỷ lệ 8,7%), đạt 103,5% kế hoạch;
- Doanh thu mặt bằng đạt 4,5 tỷ đồng, giảm 1,7 tỷ đồng so với năm 2023, đạt 93% kế hoạch. Nguyên nhân do đối tác tăng trệt trả mặt bằng từ tháng 01/2024, Công ty không khai thác được nguồn thu trong giai đoạn từ tháng 01/2024 đến tháng 09/2024 của mặt bằng này. Mặc dù Công ty đã tích cực triển khai công tác tìm kiếm đối tác mới, song do tình hình cho thuê mặt bằng còn nhiều khó khăn, đến tháng 09/2024 mới hoàn tất việc ký hợp đồng với đơn vị thuê phù hợp;

- Doanh thu dịch vụ khác đạt 0,6 tỷ đồng, đạt 91,3% kế hoạch.
- Doanh thu phí phục vụ là 1,9 tỷ đồng, tăng 0,2 tỷ đồng (tương đương 14%) so với năm 2023, vượt 0,14 tỷ và đạt 108% kế hoạch.

+ Về lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 13,3 tỷ đồng; giảm 8,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023; đạt 91,9% kế hoạch. Trong năm 2024, Công ty đã tạm trích bổ sung 4,01 tỷ đồng chi phí tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2021 - 2024 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT, ngày 28/3/2025 của Hội đồng Quản trị nhằm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, tuân thủ đúng quy định kế toán và chuẩn mực báo cáo tài chính, đây chính là yếu tố làm giảm lợi nhuận năm 2024 so với kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 10,6 tỷ đồng, giảm 6,8 tỷ đồng (tương đương 61%) so với năm 2023, đạt 91,3% kế hoạch 2024.

+ Các chỉ tiêu khác:

- Tổng quỹ lương được trích: 12,6 tỷ đồng.
- Chi phí phân bổ CCDC: 0,6 tỷ đồng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: 2,6 tỷ đồng.

3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh năm 2024 theo từng loại hình dịch vụ:

3.1 Kinh doanh phòng ngủ:

Trước áp lực cạnh tranh gay gắt giữa các khách sạn trong khu vực, Công ty đã chủ động tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới, đồng thời linh hoạt trong việc áp dụng chính sách giá phù hợp với từng kênh bán hàng nhằm thu hút khách.

Trong năm 2024, Công ty đã đón tiếp và phục vụ được 22.774 ngày phòng. Nguồn khách bao gồm:

- Khách công ty (COP) chiếm 25%;
- Khách đặt phòng qua mạng (OTA) chiếm 43%;
- Khách du lịch (TA) chiếm 23%;
- Khách vắng lai và các khách hàng khác chiếm 9%.

Tổng lượt khách lưu trú đạt 14.736 lượt khách. Nhóm 10 quốc tịch khách sử dụng dịch vụ nhiều nhất năm 2024 gồm: khách Việt Nam 22,74%; khách Nhật Bản 16,71%; khách Trung Quốc 14,22%; khách Đức 9,66%; khách Hàn Quốc 4,8%; khách Malaysia 3,01%, khách Singapore 2,59%; khách Ấn Độ 2,52%; khách Mỹ 2,38%; khách Đài Loan 2,31%.

Doanh thu phòng ngủ năm 2024 đạt 28,2 tỷ đồng; tăng 3,5 tỷ đồng (*tỷ lệ tăng 14,3%*) so cùng kỳ năm 2023, đạt 106,1% kế hoạch. Công suất phòng bình quân đạt 72%. Giá phòng bình quân: 1.249.000 đồng.

Doanh thu phòng ngủ chiếm tỷ trọng 62,3% trên tổng doanh thu của Công ty .

3.2 Kinh doanh ẩm thực:

Doanh thu mảng ẩm thực năm 2024 đạt 7,6 tỷ đồng; tăng 0,9 tỷ đồng (*tương đương tăng 13,6%*) so với cùng kỳ năm 2023, đạt 107,9% kế hoạch.

Doanh thu này chiếm tỷ trọng 16,7% trên tổng doanh thu của Công ty.

Bên cạnh việc duy trì hiệu quả kinh doanh từ tiệc, hội nghị và khách phòng, Ban Điều hành đã chủ động xây dựng kế hoạch kinh doanh arlacate theo hướng linh hoạt nhằm tối đa hoá hiệu quả khai thác dịch vụ ẩm thực và đa dạng hoá nguồn thu.

Năm 2024 ghi nhận sự tăng trưởng nổi bật của hoạt động kinh doanh arlacate dành cho khách lẻ, với doanh thu đạt gần 2 tỷ đồng, vượt 0,6 tỷ đồng tăng 44,2% so với năm 2023, vượt 0,47 tỷ đồng và tăng 31,1% kế hoạch đề ra.

3.3 Kinh doanh các dịch vụ khác:

Doanh thu từ hoạt động cho thuê phòng hội nghị năm 2024 đạt 2,5 tỷ đồng, vượt 0,2 tỷ đồng, tăng 8,7% so với năm 2023, vượt 0,08 tỷ đồng và tăng 3,5% so với kế hoạch.

Doanh thu cho thuê mặt bằng đạt 4,5 tỷ đồng, tương ứng 93% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do đối tác tại khu vực tầng trệt trả lại mặt bằng từ tháng 01/2024. Trong năm, tình hình thị trường cho thuê mặt bằng gặp nhiều khó khăn, hiện tượng trả mặt bằng gia tăng, giá thuê và nhu cầu thuê mặt bằng sụt giảm đáng kể. Dù Công ty đã nỗ lực tích cực tìm kiếm đối tác thuê, đến tháng 09/2024 mới hoàn tất việc ký hợp đồng với đơn vị thuê phù hợp. Do đó, doanh thu từ hoạt động này chưa đạt được kế hoạch đề ra.

Doanh thu các dịch vụ khác gần 0,6 tỷ đồng, tương ứng 91,3% kế hoạch năm 2024.

Doanh thu Phí phục vụ đạt 1,9 tỷ, vượt 0,24 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2023 và vượt 0,14 tỷ đồng tương ứng tăng 8% so với kế hoạch.

4. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chi phí và lợi nhuận:

4.1 Chi phí kinh doanh:

Tổng chi phí kinh doanh năm 2024 là 29,6 tỷ đồng; tăng 9,7% so với năm 2023 và tăng 2,3% so với kế hoạch. Tỷ lệ chi phí kinh doanh trên tổng doanh thu kinh doanh là 65,3%.

Chi phí nhân công (bao gồm lương, tiền cơm, các khoản bảo hiểm bắt buộc và kinh phí công đoàn) 15,8 tỷ đồng; chiếm 53.3% tổng chi phí kinh doanh. Trong đó: Chi phí lương

là 12,6 tỷ đồng tương ứng 27,87% trên tổng doanh thu. Chi phí này tăng 0,7 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2023 và tăng 0,5 tỷ đồng so với kế hoạch, do Công ty thực hiện chi bổ sung thu nhập tương đương 1/2 tháng lương từ quỹ lương năm 2024 theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Đây là phần động viên ghi nhận đóng góp của cán bộ người lao động khi đơn vị hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh.

Các khoản chi phí điện, nước, giặt ủi và chi phí vận hành khác tăng tương ứng với mức tăng doanh thu trong kỳ.

Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác tăng thêm 0,67 tỷ đồng, tương ứng tăng 8,8% so với năm 2023.

Chi phí công cụ dụng cụ thực hiện ở mức 0,6 tỷ đồng, tăng 50% so với năm 2023 nhưng chỉ ở mức 65,7% kế hoạch. Nguyên nhân do một số hạng mục như: đầu tư thiết bị và hệ thống phòng cháy chữa cháy, trải thảm hàng lang các tầng, mua sắm hàng vải chưa triển khai theo tiến độ nên chưa phát sinh chi phí. Vì vậy, khoản chi phí này đang thấp hơn so với kế hoạch.

Chi phí tiêu hao nguyên vật liệu được kiểm soát hiệu quả ở mức 39,1%, giảm 4% so với năm 2023 và thấp hơn 2,9% so với kế hoạch.

Công ty tiếp tục thực hiện chủ trương tiết giảm chi phí, thực hiện kiểm soát chặt chẽ hoạt động mua sắm và ưu tiên chi cho bảo trì, bảo dưỡng định kỳ. Các khoản chi mua sắm đều được cân nhắc thực hiện khi thật sự cần thiết nhằm đảm bảo duy trì hiệu quả vận hành Khách sạn.

4.2 Chi phí cố định:

Chi phí cố định năm 2024 là 8,3 tỷ đồng, tăng 3,9 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ 88% so với năm 2023 và tăng 80% so với kế hoạch. Nguyên nhân chính là do trong năm 2024, Công ty thực hiện tạm trích bổ sung chi phí tiền thuê đất giai đoạn 2021-2024 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT, ngày 28/3/2025 của Hội đồng Quản trị với tổng số tiền 4,01 tỷ đồng. Đây là khoản chi phí mang tính pháp lý cần thiết nhằm tuân thủ quy định về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

4.3 Lợi nhuận:

Do ảnh hưởng từ việc trích bổ sung chi phí tiền thuê đất, tổng lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 13,3 tỷ đồng, giảm 8,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 91,9% kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu 29,45%, thấp hơn so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế đạt 10,6 tỷ đồng tương đương 91,3% kế hoạch, giảm 6,8 tỷ đồng

02,
G T
H A
H S
G O
H O

so với năm 2023.

Bên cạnh đó, Công ty kiểm soát hiệu quả các khoản chi phí hoạt động, đảm bảo chủ động tài chính, tối ưu thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng. Trong năm 2024, thu nhập tài chính (chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng) đạt 5,9 tỷ đồng, tăng 1,18 tỷ đồng tương đương 125% so với kế hoạch.

Tuy nhiên, so với năm 2023, khoản thu nhập này chỉ bằng 54,4%, do trong tháng 07/2024 Công ty thực hiện chi 58,85 tỷ đồng để chi trả cổ tức còn lại các năm trước và năm 2023 cho cổ đông theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCD2024 ngày 26/06/2024. Việc chi trả này dẫn đến số dư tiền gửi ngân hàng giảm mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng trong năm 2024.

Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Diễn giải	Thực hiện 2024
1	Lợi nhuận trước thuế	13.347.841.494
2	Lợi nhuận sau thuế	10.630.287.845
3	Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	17.843.640
4	Tổng Lợi nhuận dự kiến phân phối	10.107.898.785
4.1	Chia cổ tức 2024 (7%/cp) (dự kiến)	8.654.870.000
4.2	Thù lao HĐQT & BKS 2024	390.000.000
4.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lợi nhuận sau thuế)	1.063.028.785
5	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	540.232.700

PHẦN 2.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Theo báo cáo của Tổ chức Du lịch Thế giới (UN Tourism), công bố vào tháng 01 năm 2025, ngành du lịch toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2025, với số lượt khách quốc tế dự kiến tăng từ 3%-5% so với năm 2024.

Tại Việt Nam, ngành du lịch đặt mục đón từ 22 - 23 triệu lượt khách quốc tế và phục vụ từ 120 - 130 triệu lượt khách nội địa, với tổng doanh thu toàn ngành dự kiến đạt 980.000 - 1.050.000 tỷ đồng.

Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là một trong những điểm đến hấp dẫn hàng đầu cả nước, với mục tiêu đón 8,5 triệu lượt khách quốc tế và 45 triệu lượt khách nội địa, tổng doanh thu du lịch dự kiến đạt 260.000 tỷ đồng.

Năm 2025, thành phố sẽ tổ chức nhiều sự kiện đặc sắc mang tầm quốc gia và quốc tế như: Lễ hội Tết Việt, Lễ hội Áo dài Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh, Lễ hội Sông nước Thành phố Hồ Chí Minh lần 3, Hội chợ Du lịch Quốc tế ITE lần thứ 19, Tuần lễ Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 5, Giải Marathon Quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh Techcombank 2025... Các sự kiện này không chỉ thu hút khách du lịch mà còn góp phần xây dựng hình ảnh Thành phố Hồ Chí Minh là điểm đến an toàn - thân thiện – đẳng cấp.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Căn cứ tình hình kinh tế vĩ mô, diễn biến tích cực của ngành du lịch cùng với kết quả hoạt động của năm 2024, Ban Điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2025 theo hướng tăng trưởng ổn định, tận dụng cơ hội của thị trường du lịch và nâng cao hiệu quả hoạt động. Kế hoạch kinh doanh năm 2025 dự kiến như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2024	KẾ HOẠCH 2025	SO SÁNH KH2025/TH 2024	
				Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	DOANH THU	45.321.189.684	48.000.000.000	2.678.810.316	105,9%
1	Phòng ngủ	28.231.493.059	29.926.500.000	1.695.006.941	106,0%
1,1	Công suất %	72,00%	77,70%	5,7%	107,9%
1,2	Giá bình quân	1.249.000	1.250.000	1.000	100,1%
2	Ăn uống	7.567.675.450	8.173.000.000	605.324.550	108,0%
	ăn uống phòng	2.902.901.812	3.135.000.000	232.098.188	108,0%
	ăn uống nhà hàng	1.968.130.890	2.126.000.000	157.869.110	108,0%
	ăn uống tiệc hội nghị	2.696.642.748	2.912.000.000	215.357.252	108,0%
3	Cho thuê phòng hội nghị	2.503.489.577	2.704.000.000	200.510.423	108,0%
4	Cho thuê mặt bằng	4.494.426.141	4.471.000.000	(23.426.141)	99,5%
5	Dịch vụ khác	591.313.988	638.500.000	47.186.012	108,0%
6	Phí Phục vụ	1.932.791.469	2.087.000.000	154.208.531	108,0%
II	CHI PHÍ KINH DOANH	29.591.788.649	31.182.000.000	1.590.211.351	105,4%
	%/ Tổng Doanh thu	65,3%	65,0%	-0,3%	99,5%
1	Nguyên vật liệu	2.960.821.107	3.430.000.000	469.178.893	115,8%
	%/ Doanh thu Ăn uống	39,12%	42,00%	2,9%	107,3%
2	Chi phí trực tiếp	24.698.176.073	25.665.000.000	966.823.927	103,9%
	%/ Tổng Doanh thu	54,5%	53,5%	-1,0%	98,1%
2,1	Chi phí nhân công (BH+Com +KPCĐ)	15.783.170.996	15.935.000.000	151.829.004	101,0%
	%/ Tổng Doanh thu	34,83%	33,20%	-1,6%	95,3%
a	Trong đó, chi phí lương	12.629.000.000	13.440.000.000	811.000.000	106,4%
b	Tỷ lệ chi phí lương trên Tổng doanh thu	27,87%	28,00%	0,1%	100,5%
2,2	Chi phí vật liệu	563.674.495	580.000.000	16.325.505	102,9%
2,3	Chi phí CCDC	600.533.858	1.100.000.000	499.466.142	183,2%
2,4	Chi phí mua ngoài	4.123.169.643	4.150.000.000	26.830.357	100,7%

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2024	KẾ HOẠCH 2025	SO SÁNH KH2025/TH 2024	
				Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2,5	Chi phí bằng tiền khác	3.627.627.081	3.900.000.000	272.372.919	107,5%
3	Chi phí phí phục vụ	1.932.791.469	2.087.000.000	154.208.531	108,0%
III	LÃI GỘP (III=I-II)	15.729.401.035	16.818.000.000	1.088.598.965	106,9%
1	%/Tổng Doanh thu	34,7%	35,0%	0,3%	101,0%
IV	CHI PHÍ CỐ ĐỊNH	8.295.162.263	5.730.000.000	(2.565.162.263)	69,1%
1	Chi phí khấu hao TSCĐ	2.585.966.259	2.793.000.000	207.033.741	108,0%
2	Thuế, tiền thuê đất	5.709.196.004	2.937.000.000	(2.772.196.004)	51,4%
V	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	5.941.873.007	5.940.000.000	(1.873.007)	100,0%
1	Thu nhập tài chính	5.942.204.482	5.945.000.000	2.795.518	100,0%
2	Chi phí tài chính	331.475	5.000.000	4.668.525	1508,4%
VI	HOẠT ĐỘNG KHÁC	-28.270.285	10.000.000	38.270.285	
1	Thu nhập khác	45.354.890	50.000.000	4.645.110	110,2%
2	Chi phí khác	73.625.175	40.000.000	(33.625.175)	54,3%
VII	LÃI TRƯỚC THUẾ (VII = III-IV+V+VI)	13.347.841.494	17.038.000.000	3.690.158.506	127,6%
1	%/Tổng Doanh thu	29,45%	35,50%	6,0%	120,5%
VIII	LÃI SAU THUẾ	10.630.287.845	13.622.400.000	2.992.112.155	128,1%
1	%/Tổng Doanh thu	23,46%	28,38%	4,9%	121,0%
IX	LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng số CBCNV	73	78	5	106,8%
2	Tổng quỹ lương	12.629.000.000	13.440.000.000	811.000.000	106,4%
3	Tiền lương b/q (người/tháng)	9.354.909	9.629.254	274.345	102,9%
4	Tiền lương b/q (người/tháng) (không tính Ban điều hành)	8.491.667	8.857.918	366.251	104,3%
4	Thu nhập b/q (người/tháng)	17.111.588	15.860.924	(1.250.664)	92,7%
6	Thu nhập b/q (người/tháng) (không tính Ban điều hành)	15.991.911	15.157.077	(834.834)	94,8%
X	CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ LAO ĐỘNG				
1	Năng suất lao động (Doanh thu/số lđ bq/năm)	620.838.000	615.385.000	(5.453.000)	99,1%
2	Hiệu suất lao động (Lãi sau thuế/ số lđ bq/năm)	145.620.000	174.646.000	29.026.000	119,9%

1. Kế hoạch doanh thu năm 2025:

1.1 Kế hoạch kinh doanh phòng ngủ:

Kế hoạch doanh thu phòng năm 2025 dự kiến đạt 29,9 tỷ đồng; tăng 6% so với thực hiện năm 2024. Kế hoạch xây dựng trên giả định công suất phòng bình quân đạt 77,7% với giá phòng bình quân 1.250.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT và phí phục vụ).

Doanh thu phòng dự kiến tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 62,35% tổng doanh thu kinh doanh. Sự tăng trưởng này phản ánh việc duy trì công suất ổn định, tận dụng đa phục hồi của thị trường du lịch và đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý doanh thu.

1.2 Kế hoạch kinh doanh ẩm thực:

Năm 2025, doanh thu mảng ẩm thực được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh nhờ sự phục hồi của thị trường du lịch. Trên cơ sở đó, Công ty định hướng tập trung phát triển các sản phẩm ẩm thực chất lượng cao, đáp ứng khẩu vị đa dạng của khách hàng đặc biệt là khách doanh nghiệp và khách quốc tế.

Doanh thu ăn uống năm 2025 dự kiến đạt 8,2 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2024, vượt 0,6 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 17% tổng doanh thu kinh doanh năm 2025.

1.3 Kế hoạch kinh doanh dịch vụ khác:

Các dịch vụ khác bao gồm: cho thuê phòng hội nghị, cho thuê mặt bằng, dịch vụ giặt ủi, đón tiễn sân bay...

Doanh thu dự kiến năm 2025 từ nhóm dịch vụ này đạt 7,8 tỷ đồng, tăng 3%, vượt 0,22 tỷ đồng so với năm 2024, chiếm khoảng 16,3% tổng doanh thu dự kiến năm 2025.

Tuy nhiên, do đối tác tầng 1 (Công ty Circo) có văn bản chính thức đề nghị chấm dứt hợp đồng và trả lại mặt bằng đang thuê từ tháng 06/2025 làm ảnh hưởng đến doanh thu cho thuê mặt bằng trong năm. Ban Điều hành sẽ tiếp tục xin ý kiến chỉ đạo từ Hội đồng Quản trị, đẩy nhanh công tác tìm kiếm đối tác phù hợp để ổn định nguồn thu và nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất hiện có.

1.4 Kế hoạch doanh thu phí phục vụ:

Doanh thu phí phục vụ năm 2025 dự kiến đạt 2,1 tỷ đồng; tăng 8%, vượt 0,15 tỷ đồng, so với năm 2024, chiếm tỷ trọng 4,3% tổng doanh thu kinh doanh năm 2025.

1.5 Kế hoạch doanh thu hoạt động tài chính:

Mặc dù tiền gửi ngân hàng dự kiến giảm do kế hoạch chia cổ tức từ phần lợi nhuận còn lại năm 2024, Công ty vẫn đảm bảo cân đối dòng tiền để duy trì hiệu quả hoạt động tài chính. Dự kiến thu nhập từ hoạt động tài chính năm 2025 (chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng) đạt 5,95 tỷ đồng, tương đương với mức thực hiện năm 2024.

2. Kế hoạch chi phí kinh doanh năm 2025:

Chi phí kinh doanh năm 2025 dự kiến là 31,2 tỷ đồng, tăng 1,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 5,4% so với thực hiện năm 2024.

Tỷ lệ chi phí kinh doanh trên tổng doanh thu ước giữ ở mức 65%, tương đương với mức thực hiện trước (65,3%). Trong đó:

2.1 Chi phí nguyên vật liệu:

Chi phí nguyên vật liệu dự kiến 3,4 tỷ đồng, tăng 0,47 tỷ đồng so với năm 2024, tương ứng mức tăng 15,8%.

Tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu trên doanh thu ăn uống dự kiến 42%; tăng 2,9% so với thực hiện năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do giá nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng trong khi Công ty vẫn giữ nguyên chính sách giá bán và nâng cao chất lượng dịch vụ ẩm thực

nhằm thu hút khách.

2.2 Chi phí nhân công:

Chi phí nhân công dự kiến 15,9 tỷ đồng, tăng 0,15 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 1% so với thực hiện năm 2024. Trong đó: chi phí lương 13,4 tỷ đồng, tăng 0,81 tỷ đồng, tương đương mức tăng 6,4% so với năm 2024. Tỷ lệ chi phí lương trên tổng doanh thu năm 2025 ước 28%, tăng 0,1% so với năm 2024.

Việc điều chỉnh tăng chi phí lương nhằm thu hút, giữ chân đội ngũ nhân sự có chuyên môn và phù hợp với tình hình thị trường lao động hiện nay nhằm bảo đảm nguồn lực ổn định triển khai hiệu quả kế hoạch kinh doanh năm 2025.

2.3 Chi phí vật liệu phụ:

Chi phí vật liệu phụ dự kiến 580 triệu đồng, tăng 16 triệu đồng, tương ứng tăng 2,9% so với thực hiện năm 2024.

Tỷ lệ chi phí vật liệu phụ trên tổng doanh thu kinh doanh ước đạt 1,21%, tương đương mức 1,24% của năm 2024.

2.4 Chi phí công cụ dụng cụ:

Chi phí công cụ dụng cụ ước thực hiện khoảng 1,1 tỷ đồng, tăng 0,5 tỷ đồng, tương ứng tăng 83,2% so với thực hiện năm 2024. Nguyên nhân do khách sạn có kế hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy tại tầng 1 và tầng 2, bao gồm việc lắp đặt cầu thang thoát hiểm, cửa thoát hiểm và hệ thống báo cháy tự động mới, nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ quan chức năng và đảm bảo an toàn vận hành. Bên cạnh đó, nhiều công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh lưu trú đã qua thời gian sử dụng dài như: khăn mặt, khăn tắm (từ năm 2017–2018), drap giường (từ năm 2015), tủ lạnh (từ năm 2009) đã xuống cấp, hư hỏng, không còn đáp ứng tiêu chuẩn phục vụ khách hàng và cần được thay thế đồng bộ.

2.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Chi phí dịch vụ mua ngoài dự kiến 4,2 tỷ đồng, tăng 26,8 triệu đồng, tương ứng mức tăng 0,7% so với thực hiện năm 2024. Khoản chi này bao gồm: chi phí như điện, nước, điện thoại, internet, truyền hình cáp, giặt ủi, kiểm toán...

Tỷ lệ chi phí dịch vụ mua ngoài trên tổng doanh thu năm 2025 ước đạt 8,6%, giảm so với tỷ lệ 9,1% của năm 2024.

2.6 Chi phí bằng tiền khác:

Chi phí bằng tiền khác năm 2025 dự kiến là 3,9 tỷ đồng, tăng 0,27 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 7,5% so với thực hiện năm 2024. Khoản chi này bao gồm: trang trí, sửa chữa, văn phòng phẩm, hoa hồng bán hàng, vận chuyển, trang phục, tham quan, bảo hiểm...

2.6 Chi phí khác:

Chi phí khác năm 2025 xây dựng theo hướng tiết giảm tối đa, dự kiến ở mức 40 triệu đồng, giảm 33,6 triệu đồng, tương ứng giảm 45,7% so với thực hiện năm 2024.

2.7 Chi phí thuê đất:

Hiện nay, cơ quan chức năng chưa ban hành thông báo đơn giá tiền thuê đất áp dụng cho năm 2025. Tuy nhiên, Công ty vẫn chủ động xây dựng kế hoạch chi phí tiền thuê đất theo hướng thận trọng dựa trên các cơ sở pháp lý của các văn bản liên quan: Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 về bảng giá đất trên địa bàn TP.HCM, Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 quy định tỷ lệ phần trăm để tính đơn giá thuê đất, cùng với Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 28/03/2025 của Hội đồng Quản trị về việc trích bổ sung chi phí thuê đất cho giai đoạn 2021–2024. Trên cơ sở đó, nhằm đảm bảo nguyên tắc kế toán thận trọng và tuân thủ đúng quy định pháp lý, chi phí thuê đất năm 2025 được tạm tính 2,9 tỷ đồng.

3. Kế hoạch lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế năm 2025 dự kiến đạt 17 tỷ đồng, tăng 3,7 tỷ đồng, tương đương tăng 27,6% so với thực hiện năm 2024.

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu dự kiến đạt 35,5%, bao gồm khoản trích khấu hao cơ bản ước tính 2,8 tỷ đồng, tăng 0,21 tỷ đồng, tương đương tăng 8% so với năm 2024.

4. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Diễn giải	KH 2025
1	Lợi nhuận trước thuế 2025	17.038.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế 2025	13.622.400.000
3	Lợi nhuận dự kiến phân phối 2025, trong đó	6.697.880.000
3.1	Chia cổ tức 2025 (4%/cp)(dự kiến)	4.945.640.000
3.2	Trích thù lao HĐQT & BKS 2025	390.000.000
3.3	Trích Quỹ Khen thưởng (dự kiến 10% lãi sau thuế)	1.362.240.000
4	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	6.924.520.000

III. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025, Ban Điều hành sẽ tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện một số giải pháp trọng tâm, phù hợp với

tình hình thực tế và điều kiện kinh doanh hiện nay, cụ thể như sau:

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ:

Ban Điều hành chủ động triển khai bảo trì định kỳ toàn bộ phòng lưu trú, phòng hội nghị, nhà hàng và khu vực công cộng của khách sạn đảm bảo luôn duy trì đúng tiêu chuẩn phục vụ khách. Từng bước nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và công cụ làm việc tại các bộ phận. Đồng thời, chú trọng đổi mới và sáng tạo trong thiết kế sản phẩm dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ để thu hút khách hàng, tạo dấu ấn riêng cho thương hiệu, xây dựng và phát triển các sự kiện kinh doanh một cách hiệu quả.

2. Đẩy mạnh công tác tiếp thị:

Công ty tập trung đẩy mạnh hoạt động truyền thông – tiếp thị thông qua các kênh chính thức như Website, Facebook... với nội dung chuyên nghiệp nhằm nâng cao nhận diện thương hiệu. Đồng thời, xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết cho từng lĩnh vực kinh doanh như phòng ngủ, ẩm thực và các dịch vụ đi kèm. Tiếp tục duy trì và chăm sóc các phân khúc truyền thống có nguồn khách ổn định, chủ động mở rộng khai thác các thị trường tiềm năng mới với mục tiêu tối ưu hóa doanh thu, nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng, từ đó gia tăng hiệu quả và tính bền vững trong hoạt động kinh doanh.

3. Công tác quản lý nguồn nhân lực:

Để đáp ứng hiệu quả nhu cầu kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ, Công ty xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực theo hướng toàn diện và bền vững. Trong đó, việc bổ sung nhân sự được thực hiện có chọn lọc, đảm bảo hợp lý với quy mô hoạt động và mục tiêu tăng trưởng. Chú trọng công tác đào tạo – tái đào tạo đội ngũ hiện có theo quy trình chuẩn, nâng cao tay nghề chuyên môn và kỹ năng phục vụ, nhằm mang đến trải nghiệm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực quản trị, điều hành tại các phòng ban, đơn vị còn tập trung đầu tư vào các chương trình phúc lợi phù hợp, tạo môi trường làm việc tích cực và ổn định, từ đó tăng cường sự gắn bó, tinh thần trách nhiệm và cống hiến của người lao động.

4. Công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ:

Công ty tiếp tục duy trì tăng cường công tác kiểm soát toàn diện trong mọi hoạt động vận hành với mục tiêu tối đa hóa doanh thu - tối ưu hóa lợi nhuận. Việc quản lý chi phí sẽ được thực hiện kiểm soát từ khâu đầu vào đến đầu ra, đảm bảo mọi khoản chi đều được theo dõi, đánh giá và sử dụng hợp lý. Đặc biệt, chi phí tiêu hao trong lĩnh vực ăn uống (foodcost)

3502
VNG T
PHÁP
CH SÁ
GỒI
HỒ C

sẽ được kiểm soát chặt nhưng vẫn đảm bảo duy trì chất lượng dịch vụ ẩm thực theo tiêu chuẩn.

Ngoài ra, Công ty rà soát, điều chỉnh và cập nhật quy trình làm việc nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực. Mọi hoạt động từ mua sắm, tiêu dùng nội bộ đến phục vụ khách hàng đều được quản lý theo nguyên tắc tiết kiệm – hiệu quả – chất lượng, nhằm đảm bảo chi phí được kiểm soát nghiêm ngặt trong suốt quá trình vận hành. Từ đó, không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn tạo điều kiện cải thiện thu nhập, phúc lợi cho người lao động, góp phần xây dựng mô hình phát triển bền vững và có năng lực cạnh tranh cao.

Trên đây là Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn. Ban Điều hành Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn kính trình Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2025 xem xét, thảo luận và thông qua.

Sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông sẽ là nền tảng quan trọng để Công ty triển khai hiệu quả các mục tiêu chiến lược, đảm bảo phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Trân trọng./:

Tp Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2025



GIÁM ĐỐC

PHAN NGỌC BÍCH



Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO THẨM TRA
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH - KINH DOANH NĂM 2024, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN

- Căn cứ theo Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm Soát CTCP Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ số liệu do bộ phận kế toán Khách sạn cung cấp và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY lập ngày 28/3/2025.

Ban Kiểm Soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

1. Về kết quả kinh doanh:

DVT: đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	% TH 2024 / TH 2023	% TH 2024 / KH 2024
1. Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	42.228.619.078	43.300.000.000	45.321.189.684	107,32%	104,67%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
3. Doanh thu thuần	42.228.619.078	43.300.000.000	45.321.189.684	107,32%	104,67%
4. Giá vốn hàng bán	22.956.565.584	23.350.000.000	24.354.705.960	106,09%	104,30%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.272.053.494	19.950.000.000	20.966.483.724	108,79%	105,10%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	10.929.928.970	4.760.000.000	5.942.204.482	54,37%	124,84%
7. Chi phí tài chính	4.047.390	5.000.000	331.475	8,19%	6,63%
8. Chi phí bán hàng					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.436.142.874	10.196.340.000	13.532.244.952	160,41%	132,72%
10. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	21.761.792.200	14.508.660.000	13.376.111.779	61,47%	92,19%
11. Thu nhập khác	182.193.883	38.000.000	45.354.890	24,89%	119,35%
12. Chi phí khác	131.064.267	30.000.000	73.625.175	56,17%	245,42%
13. Lợi nhuận khác	51.129.616	8.000.000	-28.270.285	-55,29%	-353,38%
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	21.812.921.816	14.516.660.000	13.347.841.494	61,19%	91,95%
15. Khấu hao	2.808.036.314	2.915.000.000	2.585.966.259	92,09%	88,71%
16. Lãi GOP	24.620.958.130	17.431.660.000	15.933.807.753	64,72%	91,41%
17. Tỷ lệ lãi GOP / Doanh thu (%)	58,30%	40,26%	35,16%		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1237		742		

Tổng doanh thu thực hiện năm 2024 là 51,3 tỷ đồng, đạt 106,7% so với kế hoạch và giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó: doanh thu kinh doanh là 45,3 tỷ đồng tăng 3,1 tỷ đồng và doanh thu hoạt động tài chính giảm 4,99 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

Tổng lợi nhuận trước thuế là 13,347 tỷ đồng giảm 8,38 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 91,95% so với kế hoạch.

Tỷ lệ lãi GOP/DT là 35,16% giảm 23,15% so với cùng kỳ năm 2023, do doanh thu hoạt động tài chính giảm.

2. Về chi phí kinh doanh:

ĐVT: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	% TH 2024 / TH 2023	% TH 2024 / KH 2024
A.CHI PHÍ KINH DOANH	31.392.709	33.546.340	37.886.950	120,69%	112,94%
I. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	2.870.114	2.945.000	2.960.821	103,16%	100,54%
Giá vốn kinh doanh ăn uống	2.870.114	2.945.000	2.960.821	103,16%	100,54%
II. CHI PHÍ TRỰC TIẾP	28.522.595	30.601.340	34.926.129	122,45%	114,13%
<i>1. Chi phí nhân công trực tiếp</i>	14.373.264	14.462.840	15.783.171	109,81%	109,13%
Trong đó: Lương	11.916.667	12.124.000	12.629.000	105,98%	104,17%
<i>2. Chi phí vật liệu</i>	519.857	560.000	563.674	108,43%	100,66%
<i>3. Chi phí CCDC</i>	400.370	914.000	600.534	149,99%	65,70%
<i>4. Chi phí khấu hao</i>	2.716.567	2.915.000	2.585.966	95,19%	88,71%
<i>5. Chi phí dự phòng</i>	94.095	-	-	-	-
<i>5. Chi phí mua ngoài</i>	3.708.122	4.131.000	4.123.170	111,19%	99,81%
<i>6. Chi phí bằng tiền khác</i>	3.318.959	4.133.000	3.627.627	109,30%	87,77%
<i>7. Chi phí khác</i>	3.391.361	3.485.500	7.641.987	225,34%	219,25%
Trong đó: Thuế và tiền thuê đất	1.692.419	1.695.500	5.709.196	337,34%	336,73%
B. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	4.047	5.000	331,5	8,19%	6,63%
C. CHI PHÍ KHÁC	157.765	30.000	73.625	46,67%	245,42%
D.TỔNG CỘNG CHI PHÍ	31.554.521	33.581.340	37.960.907	120,30%	113,04%

Năm 2024, tiếp tục đánh dấu đà phục hồi của ngành du lịch và lượng khách đến sử dụng dịch vụ tại khách sạn gia tăng. Theo đó, các chi phí cũng gia tăng, dẫn đến tổng chi phí năm 2024 gia tăng bình quân 20,3% so với năm 2023 và gia tăng 13,04% so với kế hoạch đề ra.

Tổng chi phí kinh doanh Khách sạn thực hiện trong năm 2024 là 37,88 tỷ đồng, bằng 112,94% so kế hoạch, tương đương tăng 20,69% so cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 83,6% trên doanh thu kinh doanh, chi tiết như sau:

- *Chi phí giá vốn hàng bán:* 2,96 tỷ đồng, tăng 90,7 triệu đồng tương ứng tăng 3,16% so với cùng kỳ năm 2023 do doanh thu ăn uống tăng, tuy nhiên trong năm 2024 khách sạn đã thực hiện tốt kiểm soát chi phí khi tỷ lệ tiêu hao ăn giảm 4,37% (Năm 2024 là 39,81% và năm 2023 là 44,18%). Chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng 7,8% trên tổng chi phí.

- *Chi phí trực tiếp:* 34,93 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 92% trên tổng chi phí, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 6,4 tỷ đồng tương ứng tăng 1,61%, chiếm 77,1% tỷ trọng trên doanh thu kinh doanh. Chi tiết như sau:

+ Chi phí nhân công: 15,78 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 41,57% trên tổng chi phí và chiếm 34,82% trên tổng doanh thu. Tốc độ tăng chi phí lương là 5,98% trong khi tốc độ tăng doanh thu kinh doanh là 7,32%, đáp ứng kì vọng tăng doanh thu - lợi nhuận, nhằm khích lệ tinh thần người lao động tiếp tục nỗ lực hoàn thành kế hoạch các năm tiếp theo.

+ Chi phí dụng cụ 2024 đã được tiết kiệm rất nhiều so với kế hoạch đề ra.

+ Chi phí dự phòng nợ khó đòi 2024 không phát sinh.

+ Chi phí tiền thuê đất: 5,7 tỷ, tăng 237,34% so với cùng kỳ năm 2023. Năm 2024 Khách sạn căn cứ theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 về việc quy định Bảng giá đất trên đại bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 về tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị để trích bổ sung phần chi phí thuê đất từ năm 2021 đến năm 2024.

+ Chi phí chung khác: khoản chi phí này tương ứng doanh thu phí phục vụ năm 2024, được trích toàn bộ vào chi phí để chi cho người lao động theo chính sách khách sạn

3. Doanh thu kinh doanh:

ĐVT: 1000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	CL (TH 2024- TH 2023)	% TH 2024 / TH 2023
1	Tổng số phòng kinh doanh	31.390	31.390	31.390	-	100%
2	Tổng số phòng có khách	23.422	24.170	22.774	(648)	97%
3	CSP bình quân (%)	74,62%	77,0%	72,0%	-2,6%	96%
4	Giá phòng bình quân	1.055,16	1.100	1.249	194	118%
5	Tổng Doanh thu	42.228.619	43.300.000	45.321.189	3.092.570	107%
6	Phòng ngủ	24.703.865	26.600.000	28.231.493	3.527.628	114%
7	Ăn uống	6.658.919	7.012.000	7.567.675	908.756	114%
8	Phòng Hội nghị	2.303.395	2.419.000	2.503.490	200.095	109%
9	Cho thuê mặt bằng	6.249.159	4.831.000	4.494.426	(1.754.733)	72%
10	Dịch vụ khác	617.339	648.000	591.314	(26.025)	96%
11	Phí phục vụ	1.695.942	1.790.000	1.932.791	236.849	114%

Tổng doanh thu thực hiện năm 2024: 45,32 tỷ đồng tăng 3,1 tỷ đồng tương đương tăng 7% so với cùng kỳ năm 2023 và bằng 104,67% so với kế hoạch. Công suất phòng bình quân năm 2024 đạt 72%.

Cụ thể các loại hình kinh doanh của Công ty, như sau:

3.1. Kinh doanh dịch vụ lưu trú:

ĐVT: 1000 đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	THỰC HIỆN 2024	% TH 2024 / TH 2023
1. DOANH THU	24.703.865	28.231.493	114,28%
2. CHI PHÍ TRỰC TIẾP	14.929.155	15.319.232	102,61%
2.1 Chi phí nhân công trực tiếp	6.889.360	6.952.476	100,92%
2.2 Chi phí vật liệu	393.729	432.843	109,93%
2.3 Chi phí dụng cụ sản xuất	190.461	256.477	134,66%
2.4 Chi phí KH TSCĐ	2.643.971	2.505.433	94,76%
2.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.680.031	2.895.891	108,05%
2.6 Chi phí khác	2.131.603	2.276.112	106,78%
3. LÃI BỘ PHẬN	9.774.710	12.912.261	132,10%
% lãi bộ phận / doanh thu	39,6%	45,7%	115,59%

- Doanh thu dịch vụ lưu trú thực hiện năm 2024: 28,23 tỷ đồng tăng 3,52 tỷ đồng tương đương tăng 14,28% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 62,3% trên tổng doanh thu.

- Chi phí trực tiếp dịch vụ lưu trú là 15,32 tỷ đồng tăng 390 triệu đồng tương đương tăng 2,61%, trong đó: chi phí nhân công là 6,95 tỷ đồng tăng 63 triệu đồng tương đương tăng 1%, chiếm tỷ trọng 45% trên chi phí trực tiếp (ít hơn năm 2023 là 46%/trên chi phí trực tiếp). Chi phí nhân công trực tiếp chiếm 15% trên tổng doanh thu dịch vụ lưu trú thực hiện trong 2024.

- Lãi bộ phận kinh doanh lưu trú là: 12,91 tỷ đồng tương đương với tỷ lệ lãi bộ phận/doanh thu là 45,7%, lãi này của năm 2024 tăng 6,2% so với 2023.

3.2. Kinh doanh dịch vụ ăn uống

DVT: 1000 đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	THỰC HIỆN 2024	% TH 2024 / TH 2023
1. DOANH THU	6.658.919	7.567.675	113,65%
2. CHI PHÍ TRỰC TIẾP	7.161.567	7.521.509	105,03%
Chi phí nguyên vật liệu	2.870.114	2.960.821	103,16%
2.1 Chi phí nhân công trực tiếp	3.274.393	3.450.976	105,39%
2.2 Chi phí vật liệu	124.958	127.979	102,42%
2.3 Chi phí dụng cụ sản xuất	104.497	184.363	176,43%
2.4 Chi phí KH TSCĐ	23.610	27.063	114,63%
2.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.328	280.104	105,57%
2.6 Chi phí khác	498.667	490.201	98,30%
3. LÃI BỘ PHẬN	(502.648)	46.166	-9,18%
% lãi bộ phận / doanh thu	-7,5%	0,61%	-8,08%

- Doanh thu dịch vụ ăn uống thực hiện năm 2024: 7,56 tỷ đồng tăng 908 triệu đồng tương đương tăng 13,65% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 17% trên tổng doanh thu. Tốc độ tăng chi phí là 5%.

3.3. Kinh doanh dịch vụ khác

DVT: 1000 đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023	THỰC HIỆN 2024	% TH 2024 / TH 2023
1. DOANH THU	9.169.893	7.589.230	83%
2. CHI PHÍ TRỰC TIẾP	865.844	1.513.965	175%
2.1 Chi phí nhân công trực tiếp	-	535.472	-
2.2 Chi phí vật liệu	1.170	2.852	244%
2.3 Chi phí dụng cụ sản xuất	49.109	107.240	218%
2.4 Chi phí KH TSCĐ	35.397	39.880	113%
2.5 Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.213	438.917	90%
2.6 Chi phí khác	294.955	389.604	132%
3. LÃI BỘ PHẬN	8.304.049	6.075.265	73%
% lãi bộ phận / doanh thu	90,6%	80,1%	88%

- Doanh thu dịch vụ khác thực hiện năm 2024: 7,59 tỷ đồng, giảm 1,58 tỷ đồng tương đương giảm 17,24% so với năm 2023 và chiếm tỷ trọng 16,75% trên tổng doanh thu.

4. Tình hình quản lý tiêu hao nguyên vật liệu hàng ăn uống

DVT: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH 2024 - TH 2023 tăng(+)/ giảm(-)	%
Doanh thu thu ăn	6.245.687	7.118.038	872.351	113,97%
Doanh thu uống	413.232	449.637	36.405	108,81%
Chi phí NVL hàng ăn	2.759.329	2.833.446	74.117	102,69%
Chi phí NVL hàng uống	110.785	127.375	16.590	114,97%

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH 2024 - TH 2023 tăng(+)/ giảm(-)	%
Tỷ lệ tiêu hao ăn	44,18%	39,81%	-4,37%	
Tỷ lệ tiêu hao uống	26,81%	28,33%	1,52%	

- Tỷ lệ tiêu hao hàng ăn năm 2024 là 39,81% giảm 4,37% so với năm 2023, tỷ lệ tiêu hao hàng uống là 28,33% tăng 1,52% so với năm 2023.

5. Tình hình thu nhập của nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	tăng/ giảm	%
Tổng số lao động BQ	76	73	(3)	96,05%
BQ Doanh thu/lao động	555.639.725	620.838.215	65.198.490	111,73%
Quỹ lương thực hiện	11.916.666.666	12.629.000.000	712.333.334	105,98%
Thu nhập BQ/tháng/lao động	14.768.352	17.111.588	2.343.236	115,87%

- Số lượng lao động bình quân đến ngày 31/12/2024 là 73 lao động, giảm 3 lao động so với năm 2023 tương đương giảm 3,95% so với cùng kỳ năm 2023.

- Quỹ tiền lương của Công ty thực hiện là 12,629 tỷ đồng, tăng 712 triệu đồng, tương đương tăng 5,98% so với cùng kỳ năm 2023.

- Thu nhập bình quân/tháng/lao động năm 2024 là 17,11 triệu đồng, tăng 2.343.236 đồng, tương đương tăng 15,87% so với cùng kỳ năm 2023.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2024 là 165,76 tỷ đồng, giảm 21,11% tương đương hơn 44,35 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

1. Tình hình tài sản ngắn hạn:

Tài sản ngắn hạn đến ngày 31/12/2024 là 139,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 84% trên tổng tài sản:

- Vốn bằng tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền đến ngày 31/12/2024 tăng 2,57 tỷ đồng so với cùng kỳ 2023.

- Đầu tư tài chính ngắn hạn là 127,71 tỷ đồng, giảm 44 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023, tương đương giảm 34%, trong đó, chứng khoán kinh doanh: cổ phiếu NH TMCP Phương Đông số tiền đến ngày 31/12/2024 là 3.714.160.000 đồng và tiền gửi có kỳ hạn đến ngày 31/12/2024 là 124.000.000.000 đồng.

- Nợ phải thu ngắn hạn: Số dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2024 là 4,58 tỷ đồng trong đó phải thu khách hàng là 2,577 tỷ đồng, trả trước cho người bán là 111 triệu đồng, các khoản phải thu khác là 1,892 tỷ đồng.

- Công ty đã trích dự phòng nợ là 1.020,8 triệu đồng, trong đó trích dự phòng ngắn hạn 843,6 triệu đồng và trích dự phòng nợ dài hạn 177,2 triệu đồng. Tiền thuê mặt bằng là 927,2 triệu đồng đã khởi kiện tranh chấp thu hồi mặt bằng theo bản án số 129/2020/KDTM-ST ngày 17/9/2020. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ khó đòi.

- Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2024 là 327,18 triệu đồng.

2. Tình hình tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2024:

Tài sản dài hạn là 26,55 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,02% trên tổng tài sản.

- Tài sản cố định: Tổng giá trị tài sản cố định là 25 tỷ đồng, bao gồm tài sản cố định hữu hình 25 tỷ đồng chiếm 94,17% tài sản dài hạn; giá trị tài sản cố định vô hình là 0 triệu đồng.

3. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả đến ngày 31/12/2024 là 26,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 16,05% tổng nguồn vốn, bao gồm các khoản nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

- Nợ ngắn hạn: đến ngày 31/12/2024 là 24,12 tỷ đồng, chiếm hơn 90,66% nợ phải trả.
- Nợ dài hạn: đến ngày 31/12/2024 là 2,48 tỷ đồng, chiếm 9,34% nợ phải trả.
- Khả năng thanh toán nợ phải trả:

NỢ PHẢI THU	Số tiền	NỢ PHẢI TRẢ	Số tiền
_ Phải thu khách hàng	2.577.770.220	_ Phải trả người bán	552.732.519
_ Trả trước cho người bán	111.098.100	_ Người mua trả tiền trước	288.713.064
_ Phải thu khác	1.892.331.277	_ Thuế và các khoản nộp NN	806.745.339
_ Dự phòng phải thu khó đòi	-843.580.000	_ Phải trả người lao động	2.241.698.934
_ Chi phí trả trước ngắn hạn	60.020.208	_ Chi phí phải trả ngắn hạn	17.521.608.164
_ Thuế và các khoản phải thu NN	697.001.827	_ Phải trả ngắn hạn khác	1.011.378.532
_ Phải thu dài hạn khác	750.000.000	_ Phải trả dài hạn khác	2.484.500.000
CỘNG	5.244.641.632		24.907.376.552

- Khả năng thanh toán nợ thể hiện qua một số chỉ tiêu sau:
- Khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) tại thời điểm 31/12/2024 là 5,77 lần, giảm so với thời điểm 31/12/2023 ghi nhận 10,00 lần.
- Khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn) tại thời điểm 31/12/2024 là 5,76 lần, giảm so với thời điểm 31/12/2023 ghi nhận 9,98 lần.
- Hệ số nợ (Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu) tại thời điểm 31/12/2024 là 0,19 lần, tăng so với thời điểm 31/12/2023 ghi nhận 0,11 lần.
- Tỷ lệ (Nợ phải trả/Nợ phải thu) là 4,75 lần.

Các chỉ tiêu trên cho thấy tài sản của đơn vị đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả. Công ty không sử dụng vốn vay. Hệ số nợ ở mức thấp.

4. Vốn chủ sở hữu

Giá trị nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2024 là 139.157.886.391 đồng. Trong đó vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi là 123.641.000.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau: Tổng số cổ đông là 278 cổ đông, trong đó có: 11 cổ đông tổ chức, 267 cổ đông cá nhân.

III. KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

Qua công tác giám sát và kiểm tra, Ban kiểm soát nhận thấy HĐQT, BĐH đã triển khai và thực thi đúng tinh thần của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, quy chế quản trị và Điều lệ của Công ty.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024:

BKS đã tiến hành các phiên họp theo đúng quy định của Công ty đại chúng. Trong năm 2024, BKS có sự thay đổi nhân sự: miễn nhiệm chức danh Thành viên BKS đối với bà

Nguyễn Hồng Thanh Lan và bầu bổ sung ông Nguyễn Trần Gia Huy tham gia thành viên BKS nhiệm kỳ 2022-2026.

Trong năm 2024, Ban kiểm soát không phát sinh chi phí hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của Kiểm soát viên

Trong năm 2024, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan. Các hoạt động giám sát được triển khai thường xuyên, bám sát tình hình thực tế của doanh nghiệp, đặc biệt tập trung vào các nội dung như: kiểm tra, giám sát việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; rà soát báo cáo tài chính định kỳ và các giao dịch có khả năng phát sinh xung đột lợi ích hoặc rủi ro tài chính đối với công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp với các phòng ban chức năng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, độc lập trong đánh giá, giám sát. Các báo cáo được thực hiện kịp thời, có cơ sở và mang tính xây dựng, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và tuân thủ pháp luật.

Ban Kiểm soát đánh giá các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thể hiện tinh thần trách nhiệm, độc lập, trung thực và vì lợi ích chung của công ty và cổ đông.

IV. NHẬN XÉT KIẾN NGHỊ:

a. Nhận xét

- Báo cáo tài chính năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn. Báo cáo được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành cũng như các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và cũng đã được kiểm toán bởi công ty đủ điều kiện kiểm toán doanh nghiệp đại chúng.

b. Kiến nghị

- Ban kiểm soát kiến nghị Ban điều hành Công ty: theo dõi và xử lý các khoản công nợ tồn đọng, tiếp tục duy trì hiệu quả trong công tác kiểm soát chi phí, từng bước nâng cao hiệu quả vận hành và quản trị khách sạn nhằm thúc đẩy hiệu quả kinh doanh.

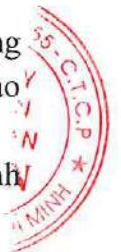
Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm Soát về thẩm tra báo cáo tài chính năm 2024. Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Hà Thị Mai Phương



Số: 01 /TTr-DHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Kính trình: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Kính thưa Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ kết quả kinh doanh của công ty năm 2024,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội Đồng Cổ đông xem xét để thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024, định hướng phát triển năm 2025.
2. Báo cáo thẩm tra tình hình tài chính - kinh doanh năm 2024, kết quả hoạt động của hội đồng quản trị, ban điều hành và hoạt động của ban kiểm soát, kiểm soát viên tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn.
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – CN tại TP.HCM.
4. Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2024:

4.1 Kết quả kinh doanh năm 2024:

- Doanh thu thuần : 45.321.189.684 đồng, đạt 104,7% so với Kế hoạch năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế : 13.347.841.494 đồng, đạt 91,9% so với Kế hoạch năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế : 10.630.287.845 đồng, đạt 91,3% so với Kế hoạch năm 2024.
- Chi phí phân bổ CCDC : 600.533.858 đồng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: 2.585.966.259 đồng.

4.2 Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024:

Căn cứ Kết quả kinh doanh năm 2024, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024 với mức chi là 390.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng x 4 người
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/người/tháng x 2 người
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng



4.3 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

Căn cứ Kết quả kinh doanh năm 2024, HĐQT kính đề nghị Quý Cổ đông thông qua mức phân phối lợi nhuận năm 2024, như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền 7%/cp từ lợi nhuận năm 2024	: 8.654.870.000 đồng
- Trích thù lao HĐQT và BKS	: 390.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng	: 1.063.028.785 đồng
- Tổng lợi nhuận còn lại sau phân phối	: 540.232.700 đồng
- Ngày chốt danh sách thực hiện quyền	: 09/07/2025
- Ngày chi trả cổ tức	: 21/07/2025

Kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Võ Thanh Bình



Số: 02 /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Kính trình: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Kính thưa Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ Kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2025,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội Đồng Cổ đông xem xét để thông qua các vấn đề sau:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2025:

- Doanh thu thuần : 48.000.000.000 đồng, tăng 5,9% so với thực hiện 2024.
- Lợi nhuận trước thuế : 17.038.000.000 đồng, tăng 27,6% so với thực hiện 2024.
- Lợi nhuận sau thuế : 13.622.400.000 đồng, tăng 28,1% so với thực hiện 2024.

trong đó:

- Tổng Quỹ lương được trích : 13.440.000.000 đồng.
- Khấu hao TSCĐ : 2.793.000.000 đồng.

2. Mức chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025:

Căn cứ Kế hoạch kinh doanh năm 2025, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua thù lao hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025 với mức chi là 390.000.000 đồng. Cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng x 4 người
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS: 2.500.000 đồng/người/tháng x 2 người
- Thư ký HĐQT: 2.500.000 đồng/tháng

3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Trên cơ sở Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2025, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền: 4%/cổ phiếu.
- Trích thù lao HĐQT và BKS: 390.000.000 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng (10% lợi nhuận sau thuế) : 1.362.240.000 đồng.

Sau khi có kết quả kinh doanh thực tế năm 2025, Hội đồng Quản trị sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ đông quyết định kế hoạch phân phối cụ thể.



4. Xem xét và thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn để thay thế cho Điều lệ hiện hành, đảm bảo sự phù hợp và hiệu quả trong quản trị và hoạt động của Công ty.

Kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua.



Số: 03 /TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2025.

Kính trình: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Kính thưa Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

Qua quá trình tìm hiểu và xem xét năng lực của các Công ty kiểm toán độc lập đã được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận các tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn giới thiệu và lựa chọn 03 đơn vị trong danh sách các đơn vị kiểm toán:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY với mức chào giá 80.000.000 VNĐ (Tám mươi triệu đồng chẵn, chưa bao gồm thuế GTGT)
2. Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) với mức chào giá 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu đồng chẵn, chưa bao gồm thuế GTGT)
3. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt với mức chào giá 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu đồng chẵn, chưa bao gồm thuế GTGT)

Qua thư giới thiệu của 03 đơn vị kiểm toán nêu trên, kính đề nghị ĐHĐCĐ tiếp tục lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2025 là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, đơn vị đã kiểm toán nhiều năm cho Công ty, đủ năng lực, kinh nghiệm và có mức chào giá hợp lý.

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hà Thị Mai Phương

Số: 04 /TTr-ĐHĐCĐ

TP, Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Kính trình: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Kính thưa Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ Công văn số 267/CV-HĐTV-NS ngày 20/5/2025 của cổ đông Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV về việc cử nhân sự đại diện vốn, cán bộ cử và Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội Đồng Cổ đông xem xét để thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị đối với bà Tạ Thị Tuyết Mai:

Ngày 21/05/2025 Hội đồng Quản trị có Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐQT về việc thông qua Công văn của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc giới thiệu bà Lê Thị Thúy Hà là nhân sự đại diện vốn và tham gia thành viên Hội đồng Quản trị tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn thay bà Tạ Thị Tuyết Mai.

Để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 chấp thuận việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị đối với bà Tạ Thị Tuyết Mai.

2. Thông qua việc bầu thay thế bà Lê Thị Thúy Hà thay cho thành viên miễn nhiệm tham gia Hội đồng Quản trị và giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022–2026:

Để đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên 2025 bầu thay thế bà Lê Thị Thúy Hà thay cho thành viên miễn nhiệm tham gia Hội đồng Quản trị và giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2026.

- Sinh ngày: 16/12/1979
- CCCD số: 079179010536 Ngày cấp: 04/4/2023, Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Trình độ: Cử nhân luật

Kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Thanh Bình

Số: 05 /TTr-DHĐCD

TP, Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Kính trình: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Kính thưa Đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn;
- Căn cứ Công văn số 267/CV-HĐTV-NS ngày 20/5/2025 của cổ đông Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV về việc cử nhân sự đại diện vốn, giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội Đồng Cổ đông xem xét để thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Nguyễn Trần Gia Huy:

Ngày 21/05/2025 Hội đồng Quản trị có Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐQT về việc thông qua Công văn của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên về việc giới thiệu bà Đỗ Thị Quý Công tham gia thành viên Ban Kiểm Soát tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn thay ông Nguyễn Trần Gia Huy.

Để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 chấp thuận việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát đối với ông Nguyễn Trần Gia Huy

2. Thông qua việc bầu thay thế bà Đỗ Thị Quý Công thay cho thành viên miễn nhiệm tham gia thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022–2026.

Để đảm bảo số lượng thành viên Ban kiểm soát theo Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên 2025 bầu thay thế bà Đỗ Thị Quý Công thay cho thành viên miễn nhiệm tham gia thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2026.

- Sinh ngày: 09/11/2000
- CCCD số: 066300012559 Ngày cấp: 12/8/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Trình độ: Cử nhân đào tạo kinh tế quốc tế

Kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Võ Thanh Bình



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN

THÁNG /2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Thay đổi các quyền	14
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	28
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 29. Cán bộ quản lý	28

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	28
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty.....	29
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	30
Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát.....	30
Điều 33. Ban kiểm soát	31
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	32
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng.....	32
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	32
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	35
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn.....	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 39. Phân phối lợi nhuận	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	36
Điều 40. Tài khoản ngân hàng	36
Điều 41. Năm tài chính.....	36
Điều 42. Chế độ kế toán	36
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	36
Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và Quý	37
Điều 44. Báo cáo thường niên	37
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 45. Kiểm toán	37
XVII. CON DẤU.....	38
Điều 46. Con dấu	38
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	38
Điều 47. Chấm dứt hoạt động.....	38
Điều 48. Thanh lý.....	38
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	39
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	39
Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	39
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	39
Điều 51. Ngày hiệu lực.....	40
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này qui định về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là “**Công ty**”) và được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày tháng năm 2024 tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Các phụ lục và các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ được ban hành đúng quy định (nếu có) là một phần không tách rời của Điều lệ này.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là luật Doanh nghiệp số 07/VBHN-VPQH ngày 25 tháng 01 năm 2022 được hợp nhất từ luật số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
 - c) “Luật Chứng khoán” có nghĩa là luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - d) "Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Hội đồng quản trị và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - e) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - g) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - f) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN
 - Tên tiếng Anh : SAIGON HOTEL CORPORATION
 - Tên giao dịch : KHÁCH SẠN SÀI GÒN / SAIGON HOTEL

- Tên viết tắt : **SAIGON HOTEL CORPORATION**
- 2. Công ty là Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ : 41 - 47 Đông Du, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Điện thoại : 028 3829 9734
 - E-mail : info@saigonhotel.com.vn
 - Website : www.saigonhotel.com.vn
- 4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 6. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh phòng nghỉ khách sạn	5510
02	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh văn phòng cho thuê	6810
03	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng. Vận chuyển khách du lịch	4932
04	Hợp đồng sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm; dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn. Kinh doanh Karaoke. Dịch vụ xoa bóp. Dịch vụ xông hơi.	9000

05	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh ăn uống và vũ trường. Dịch vụ giặt ủi, hấp	5610
06	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thu đổi ngoại tệ cho khách (theo giấy phép của cơ quan chức năng)	6619
07	Đại lý du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước. Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế	7911
08	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán rượu	4633
09	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Mua bán thuốc lá điếu sản xuất trong nước (không hoạt động tại trụ sở)	4634
10	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán sách có nội dung được phép lưu hành	4649
11	(Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Pháp luật có liên quan)	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả nhất nhằm phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đồng thời tối đa hóa lợi nhuận, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Vì trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là vốn điều lệ được ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng (mười ngàn đồng), số lượng cổ phần của Công ty sẽ bằng Vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ cổ đông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300850255, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 1994, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần gần nhất.
6. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó thì số cổ phần phổ thông này phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở

hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai mươi (20) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá đã đăng ký mua với nghĩa vụ tài chính của Công ty vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản

trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - đ) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
6. Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin để thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được cung cấp cho cá nhân, tổ chức khác.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo qui định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
 - đ) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- c) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- e) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- g) Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần phát hành;

- h) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm, phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên;
 - đ) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
 - g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - h) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - i) Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - p) Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần phát hành;
 - q) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi

lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

- r) Chấp thuận các giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan đến các đối tượng này quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào dự họp.
- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất mười ngày (10) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- c) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- d) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020. Tài liệu họp và thông báo mời họp được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
- d) Các trường hợp khác.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất trên năm mươi phần trăm (50%) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định

tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa đề cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa;
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.



7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
9. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông hoặc chủ tọa cuộc họp có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("**Địa điểm chính của đại hội**");
 - b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
- Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:
 - a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.
 - d) Và các vấn đề khác.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể công ty, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 điều 148 của Luật doanh nghiệp.
4. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 147 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung biên bản được quy định tại điều 150 của Luật Doanh nghiệp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội, Thư ký đại hội.
3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
4. Các bản ghi chép, biên bản, nghị quyết đã được thông qua, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ



ng nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;

Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành theo khoản 2 điều 276 nghị định 155/2020/NĐ-CP không thấp hơn một phần ba (1/3) tổng số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm

hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
 6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ

35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;

- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
 - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Thành lập các công ty con của Công ty (giá trị tài sản đầu tư vào Công ty con dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán);
 - c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 và khoản 3 điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua, đầu tư và liên doanh);
 - d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách kinh doanh hằng năm từ 100 triệu đồng trở lên; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm.

- g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;
 - k) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - l) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng quản trị đó.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên và Báo cáo Đại hội đồng cổ đông của Công ty, được thể hiện bằng mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các

thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a) Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
 - b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản

trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

- a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và

người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên năm mươi phần trăm (50%)). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người

không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc, các Phó Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty, được trình bày thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội

đồng cổ đông thông qua;

- b) Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - đ) Vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - e) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một (01) Giám đốc mới thay thế.

Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông

theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm một (01) thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, có bằng tốt nghiệp đại học trở lên. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%)

đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp ;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận ;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - đ) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170, điều 171, điều 173 Luật Doanh nghiệp, điều 288 nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ này, chủ yếu và không giới hạn những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;
 - b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
 - d) Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;

- d) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - e) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
 - g) Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
4. Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, được trình bày riêng thành một mục trong Báo cáo tài chính năm. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Công ty tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích

của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

4. Chấp thuận hợp đồng giao dịch với các bên liên quan:

- a) Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và người có liên quan của cổ đông.
- b) Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho những người quản lý của Công ty và những người có liên quan của họ.
- c) Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

- d) Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

Các hợp đồng, giao dịch theo quy định điểm b), điểm c) khoản 3 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

- e) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

Các hợp đồng, giao dịch theo quy định điểm b) và điểm c) khoản 3 Điều này và có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

Hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi

trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng Mười hai (12) cùng năm.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS). Công ty cũng có thể sử dụng chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và Quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng và Quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu (06) tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính theo thỏa thuận tại hợp đồng kiểm toán cho công ty kiểm toán độc lập.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận theo quy định, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị theo quy định.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có

trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 46. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 48. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;

- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án có thẩm quyền giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc của Toà án (nếu có).

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những Điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 51 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2025.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) Một (01) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước của địa phương
 - b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
 - c) Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN**

Giám đốc
(đã ký)

PHAN NGỌC BÍCH

